

ĐÀO TẠO THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC BẠC LIÊU

TS. ĐÀO HOÀNG NAM*

1. Đào tạo (ĐT) theo học chế tín chỉ (HCTC) ở Trường Đại học (ĐH) Bạc Liêu

Năm học 2010-2011, Trường ĐH Bạc Liêu đã thực hiện thí điểm ĐT theo hình thức tín chỉ đối với 3 ngành ĐH: Kế toán, Quản trị kinh doanh, Bệnh học Thủy sản. Từ năm học 2011-2012 đến nay, Trường đã thực hiện ĐT tín chỉ đối với tất cả các ngành ĐH, cao đẳng (CĐ) chính quy tuyển mới. Có thể thấy số lượng sinh viên (SV) được ĐT theo hệ thống tín chỉ

Năm học	Ngành	Hệ ĐT	Số SV ĐT tín chỉ/ tổng số SV	Tỉ lệ (%)
2010 - 2011	Kế toán, Quản trị kinh doanh, Bệnh học Thủy sản	ĐH	303/2.069	14,6%
2011 - 2012	Kế toán, Quản trị kinh doanh, Bệnh học Thủy sản, Ngữ văn, Tiếng Anh, Công nghệ thông tin	ĐH	765/1.910	40,1%
	Công nghệ thông tin, Sư phạm Tiếng Anh	CĐ	122/1.229	9,9%
2012 - 2013	Kế toán, Quản trị kinh doanh, Bệnh học Thủy sản, Ngữ văn, Tiếng Anh, Công nghệ thông tin, Bảo vệ thực vật, Chăn nuôi	ĐH	1.075/ 2.044	52,6%
	Giáo dục Tiểu học, Giáo dục Mầm non, SP Nhạc, SP Địa, SP, Vật lí, Công nghệ thông tin, Kế toán, Nuôi trồng Thủy sản	CĐ	705/1.314	53%

theo từng năm học qua bảng số liệu sau:

Dự kiến, năm học 2014-2015, Trường ĐH Bạc Liêu thực hiện ĐT theo hệ thống tín chỉ ở tất cả các ngành, bậc và loại hình ĐT. Qua hơn 3 năm ĐT theo HCTC, quá trình ĐT theo hình thức này tại Trường ĐH Bạc Liêu cho thấy:

1.1. Ưu điểm

1.1.1. Công tác chuẩn bị tốt. Ngay từ khi mới được thành lập (năm 2007), Trường ĐH Bạc Liêu đã sớm xác định "Chất lượng ĐT chính là yếu tố then chốt quyết định đến thương hiệu, uy tín của nhà trường trong tương lai", do đó, mặc dù ban đầu còn ĐT theo hình thức niên chế, nhưng nhà trường đã rất chú ý đến chất lượng của các hoạt động trong quá trình ĐT. Đến năm học 2009-2010, lãnh đạo nhà trường đã chính thức chỉ đạo cho các bộ phận liên quan chuẩn bị các điều kiện để chuyển đổi hình thức ĐT từ niên chế sang tín chỉ. Cụ thể như: Đưa cán bộ (CB), giảng viên (GV) đi dự tập huấn về ĐT theo HCTC; Mời các

đơn vị liên kết phối hợp tổ chức hội thảo, tập huấn cho CB, GV trong trường; Đưa CB, GV đi ĐT và ĐT lại theo nhiều hình thức, nhiều bậc học khác nhau để nâng cao trình độ, cập nhật thông tin, đáp ứng công tác dạy học theo tín chỉ; Lập kế hoạch và thực hiện đầu tư cơ sở vật chất (CSVC) đảm bảo phục vụ công tác dạy và học...

Ngày 10/9/2010, Hiệu trưởng Trường ĐH Bạc Liêu đã ra quyết định số 285/QĐ-ĐHBL về việc ban hành Quy chế ĐT ĐH và CĐ hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. Quyết định đã thể hiện sự chuẩn bị chu đáo cho công tác chuyển đổi, bởi đó là cả một quá trình nghiên cứu các quy chế, quy định có liên quan, phối hợp với việc cân nhắc các điều kiện phù hợp với thực tế nhà trường, trên cơ sở đó ban hành quy chế ĐT theo HCTC vừa đảm bảo thực hiện đúng chỉ đạo của Bộ GD-ĐT, vừa đảm bảo phù hợp với điều kiện tổ chức ĐT tại Trường ĐH Bạc Liêu.

1.1.2. Đội ngũ GV đáp ứng khá tốt cho quá trình chuyển đổi sang HCTC. Để xây dựng và phát triển đội ngũ CB, GV, chuẩn bị tốt cho quá trình chuyển đổi sang HCTC, Trường ĐH Bạc Liêu đã thực hiện việc tuyển chọn, bổ nhiệm, ĐT, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho CB, GV, đảm bảo phát triển theo hướng đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng, đồng bộ về cơ cấu. Đặc biệt, ngay khi UBND tỉnh Bạc Liêu ban hành các quyết định về chính sách thu hút nhân tài, Trường ĐH Bạc Liêu đã triển khai thực hiện mời gọi nhân tài, đưa CB, GV đi ĐT, bồi dưỡng. Hơn 6 năm thực hiện, Trường ĐH Bạc Liêu đã gặt hái được những kết quả hết sức khả quan. Cụ thể:

Năm 2007, đội ngũ CB, GV của nhà trường có 159 người, trong đó: 2 tiến sĩ, 21 thạc sĩ, 107 có trình độ ĐH. Sau khi thực hiện mời gọi, có 160 SV tốt nghiệp và 13 thạc sĩ ra trường từ các chương trình dự án ĐT khác nhau được tiếp nhận về công tác. Đến nay, nhà trường đã có 314 CB, GV, nhân viên, trong đó: 04 tiến sĩ, 128 thạc sĩ, 148 ĐH; 14 nghiên cứu sinh, 28 cao học. Nhìn chung, đội ngũ CB, GV được thu hút là những người có phẩm chất, có năng lực, trình độ cao. Với tuổi đời còn rất trẻ, họ năng động, sáng tạo, đa số hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, có năng lực hoạt

* Trường Đại học Bạc Liêu

động, nhiệt tình, tiếp cận nhanh công việc, có kỹ năng giao tiếp tốt, tự tin, có phẩm chất đạo đức, đủ sức tiếp bước những thế hệ đi trước để thực hiện mục tiêu chung của nhà trường, trong đó có mục tiêu chuyển đổi sang ĐT theo hình thức tín chỉ.

1.1.3. SV thích ứng khá nhanh với hình thức ĐT mới. ĐT theo HCTC bước đầu đã tỏ ra có hiệu quả khi hình thành và phát huy được năng lực tự học tự nghiên cứu cho SV. Phần lớn SV đã tỏ ra dần quen với hình thức học tập mới. Họ đã chủ động trong việc chọn môn học, tự học nhóm và tìm kiếm tài liệu phục vụ cho môn học. Trong giờ học, SV đã tỏ ra chủ động hơn trong chiếm lĩnh tri thức. Họ thích những giờ học có thảo luận, thích được trình bày, thuyết trình các vấn đề trước lớp. Trong khi họ trao đổi, bàn luận, chúng tôi đã thấy rằng họ đã chịu khó đọc tài liệu, đã biết sử dụng thời gian tự học một cách có hiệu quả, đã nghiêm túc trong chuẩn bị bài thuyết trình, biết phối hợp trong thực hiện nhiệm vụ được phân công. Đặc biệt, nhiều SV đã nắm vững chương trình học, chủ động sắp xếp, lập kế hoạch học tập cho bản thân, chủ động dành thời gian học thêm các chứng chỉ ngoại ngữ, tin học, tham gia các câu lạc bộ để tăng kỹ năng sống, rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp để sau khi ra trường phục vụ tốt cho xã hội.

1.1.4. CSVC cơ bản đáp ứng nhu cầu dạy và học trong tình hình mới. Để ĐT theo HCTC có hiệu quả, nhà trường đã liên tục tăng cường, cập nhật CSVC, trang thiết bị hiện đại, phục vụ có hiệu quả cho quá trình dạy và học, đáp ứng khá tốt nhu cầu dạy và học cho cả GV, SV. Đến nay, trên tổng diện tích 7812m², trường có 38 phòng học 50 chỗ, 18 giảng đường sức chứa từ 80-500 chỗ. Số phòng thực hành thí nghiệm là 14, trong đó phòng thực hành Nhạc 02, Tin học 09, Lí - Hóa - Sinh 06. Trường hiện cũng đã đầu tư một phòng Lab hiện đại để giảng dạy tin học và ngoại ngữ. Các phòng được thiết kế theo chuẩn quy định, thoáng, mát thuận lợi trong sử dụng. Các phòng học, giảng đường được bố trí theo yêu cầu của từng môn học, ngành học và được sử dụng tối đa, các phòng thực hành tin học tận suất sử dụng khá lớn. Bình quân số m² diện tích phòng học, giảng đường, phòng thực hành thí nghiệm là 1,5m²/SV. Ngoài ra, trường cũng đã sử dụng các phần mềm quản lý và các phần mềm thông minh phục vụ cho công tác giảng dạy.

Thực hiện Chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2011-2015 và định hướng đến năm 2020, được sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, hiện Trường đang triển khai thực hiện dự án xây dựng Cơ sở 3 với kinh phí trên 280 tỉ đồng. Trong dự án này có hệ thống phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, hội trường

800 chỗ được thiết kế hiện đại. Trường cũng đặc biệt chú ý hiện đại hóa Trung tâm Thông tin - Thư viện, đồng thời bổ sung một lượng sách đáng kể hàng năm, theo hướng chuyên môn sâu, để từng ngành nghề ĐT đều có đủ tài liệu dạy và học.

1.2. Hạn chế

1.2.1. Hạn chế trong nắm bắt, thực hiện quy chế tín chỉ. Kết quả khảo sát năm 2014 của Khoa Sư phạm về việc nắm bắt và thực hiện quy chế tín chỉ đã được ban hành, cho thấy: - **Về phía GV**, Khoa đã tiến hành khảo sát hơn 44 khách thể, trong đó có 19 CB quản lí và 25 GV. Để khảo sát mức độ hiểu biết về quy chế ĐT tín chỉ, Khoa đưa ra 5 nội dung hỏi: *yêu cầu thời gian tự học cho học một tín chỉ trên lớp; cách tính điểm; xếp loại; điểm SV bị buộc thôi học; điểm để đủ điều kiện được xét tốt nghiệp.* Các nội dung này được trích trong quy chế ĐT ĐH và CĐ hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. Kết quả 45,5% số CB, GV trả lời đúng. Trong đó, nội dung tự đánh giá (ĐG) về sự hiểu biết đối với quy chế ĐT tín chỉ, 93,1% ý kiến cho rằng mình có hiểu biết quy chế từ mức trung bình trở lên; - **Về phía SV**, với 176 khách thể, trong đó có 22 SV hệ CĐ và 154 SV hệ ĐH đang theo học hệ thống tín chỉ, Khoa cũng tiến hành nội dung khảo sát như trên. Kết quả chỉ có 27,4% số SV được khảo sát có hiểu biết về quy chế tín chỉ từ mức trung bình trở lên. Và cũng như CB, GV, khi khảo sát về sự tự ĐG mức độ hiểu biết của mình, 67,6% SV cho rằng mình có hiểu biết về quy chế ở mức trung bình trở lên. Rõ ràng là cả CB, GV và SV phần lớn đều tự ĐG là mình có hiểu biết về quy chế, nhưng thực tế mức độ hiểu biết của họ là khá thấp, và ở SV là rất thấp. Điều đó nhất định ảnh hưởng nhiều đến việc thực hiện đúng quy chế, ảnh hưởng đến kết quả dạy và học. Dĩ nhiên sẽ ảnh hưởng đến chất lượng ĐT của nhà trường.

1.2.2. Hạn chế về kinh nghiệm giảng dạy và học tập. Sự mới mẻ của HCTC đã khiến cho nhiều GV không tránh khỏi sự lúng túng trong việc thực hiện. Tiếp cận với HCTC, theo bước chuyển mình chung của nhà trường, GV phải bắt đầu một quy trình ĐT mới, làm quen với khái niệm, với cách soạn giảng, phương pháp lên lớp, với cách ra đề, đáp án... theo quy chế tín chỉ. Nhiều GV lên lớp với bài giảng cũ, phương pháp cũ, vừa giảng dạy như niền chế, vừa làm quen dần với tín chỉ. Do thiếu kinh nghiệm nên dẫn đến nhiều hạn chế trong thực hiện quá trình ĐT, đảm bảo chất lượng ĐT.

Chẳng hạn như ngoài giảng dạy, khâu kiểm tra (KT), ĐG là rất quan trọng, bởi nó phản ánh chất lượng thật sự của SV, là động lực để SV học tập. Vì vậy, đòi hỏi GV phải nắm được cách ra đề và đáp án

phù hợp với dạy học theo tín chỉ. Thế nhưng cũng theo khảo sát của Khoa Sư phạm khi được hỏi: “*Trong đề thi, đề KT, nội dung mà thầy cô giáo cho SV về nhà tự học, tự nghiên cứu chiếm khoảng bao nhiêu %?*”, có gần 60% ý kiến SV cho rằng trong đề thi, KT có khoảng 30% nội dung tự học, tự nghiên cứu. Tuy nhiên, cần chú ý tăng phần tự học tự nghiên cứu của SV lên mới đáp ứng đúng tinh thần dạy học theo tín chỉ. Bên cạnh đó, hình thức ra đề theo tự luận mở đến nay cũng khá hạn chế, dạng đề tự luận đóng chiếm 56,3%, tự luận mở chiếm 35,2% và trắc nghiệm chiếm 8,5%. Kể cả trong cho điểm, cách tính điểm, nhiều GV cũng còn gặp vướng mắc. Thêm vào đó, đội ngũ cố vấn học tập (CVHT) đa phần là GV trẻ, họ cũng có nhiều cố gắng, song do thiếu kinh nghiệm nên việc hướng dẫn SV thực hiện quy chế, thực hiện việc học tập cũng đạt kết quả chưa cao.

Về phía SV, cũng do bước đầu làm quen với HCTC, họ cũng chưa có kinh nghiệm thực hiện việc học tập đúng theo tinh thần này. Ngoài một số SV năng động sáng tạo, phần lớn SV còn lại chưa biết cách phát huy đầy đủ các hiệu quả học tập, các quyền lợi của họ trong học tập theo tín chỉ. Điều này có lẽ cũng do một phần là chất lượng tuyển sinh đầu vào thấp, nên khả năng tự học, tự tích lũy, học hỏi kinh nghiệm học tập của SV Trường ĐH Bạc Liêu còn nhiều yếu kém.

1.2.3. Hạn chế về CSVC, trang thiết bị dạy học.
Như trên đã nói, trường đã có sự đầu tư CSVC theo hướng ngày càng đáp ứng tốt hơn cho nhu cầu dạy và học theo HCTC. Tuy nhiên, do điều kiện khách quan, CSVC của Trường hiện vẫn đang tồn tại nhiều khó khăn, cần được tiếp tục đầu tư một cách thỏa đáng. Cụ thể, phòng học của Trường tuy đảm bảo, nhưng vẫn còn thiếu các phòng tự học, phòng thảo luận nhóm, nhằm đáp ứng nhu cầu học nhóm cho sinh viên, tạo không gian cho sinh viên tự học. Bên cạnh đó, hệ thống Thông tin - Thư viện vẫn còn thiếu nhiều đầu sách chuyên ngành, chưa thể đáp ứng chuyên môn sâu cho từng ngành học. Điều đó gây không ít khó khăn cho sinh viên trong tự học, kể cả GV muốn cập nhật thông tin, tài liệu giảng dạy, cũng khó thực hiện được. Ngoài ra, đối với các ngành học thuộc Khoa Nông nghiệp, nếu xây dựng được trại thực nghiệm sẽ giúp cho cả GV, SV trong việc thực hành các kiến thức chuyên môn, các sáng kiến kinh nghiệm, hoặc các ứng dụng khoa học công nghệ.

2. Biện pháp nâng cao hiệu quả ĐT theo HCTC tại Trường ĐH Bạc Liêu

2.1. Xây dựng quy chế cụ thể, phù hợp

Trường đã ban hành quy chế ĐT ĐH và CĐ hệ

chính quy theo HCTC, theo Quyết định số 285/QĐ-ĐHBL ngày 10/9/2010 của Hiệu trưởng Trường ĐH Bạc Liêu. Cơ sở để ban hành, điều chỉnh việc thực hiện quy chế phải dựa trên quy định chung của Bộ GD-ĐT, quan trọng hơn là phải nắm vững tinh thần ĐT theo HCTC, kết hợp với tình hình thực tiễn của đơn vị. Quy chế phải đảm bảo phù hợp với tình hình nhà trường, với đối tượng người học; phải đảm bảo cụ thể, chi tiết, có tác dụng làm kim chỉ nam cho hoạt động ĐT theo tín chỉ đạt hiệu quả cao. Trong quá trình ban hành hoặc điều chỉnh, phải có sự đóng góp ý kiến của các bộ phận trực thuộc trường, kể cả ý kiến của CB, GV nhất là những người đang trực tiếp thực hiện quy chế. Đồng thời phải có sự tham khảo ý kiến chuyên gia; tham khảo phương thức, cách làm của các đơn vị bạn để học hỏi, rút kinh nghiệm.

2.2. Phổ biến và hướng dẫn thực hiện quy chế

Xây dựng quy chế đã quan trọng, phổ biến và hướng dẫn thực hiện quy chế lại càng quan trọng hơn. Bởi thực tế những năm qua cho thấy, do không nắm vững quy chế, nên cả GV và SV gặp rất nhiều khó khăn trong thực hiện, dẫn đến nhiều lỗi sai không đáng có, làm ảnh hưởng đến chất lượng ĐT của nhà trường. Do vậy nắm vững quy chế phải là khâu tiên quyết, quyết định sự thành công của các khâu còn lại. Việc phổ biến và hướng dẫn thực hiện quy chế phải được triển khai đồng bộ, có hiệu quả. Công việc này sẽ được giao cho lãnh đạo các bộ phận chỉ đạo việc triển khai. Yêu cầu đặt ra là tất cả các cán bộ, giảng viên, sinh viên của nhà trường đang dạy và học theo tín chỉ đều phải nắm rõ quy chế. Buổi phổ biến - hướng dẫn phải được tổ chức như một buổi sinh hoạt chuyên đề, và sau đó phải có KT để ĐG được mức độ quán triệt của CB, GV và SV. Sau khi đã thực hiện việc phổ biến, hướng dẫn này, lãnh đạo các bộ phận phải có báo cáo cụ thể về Ban giám hiệu trường. Từ lúc này trở đi, nếu có CB, GV, SV của bộ phận nào phạm lỗi sai do không rõ quy chế, lãnh đạo bộ phận đó sẽ phải chịu trách nhiệm.

2.3. ĐT hệ thống cố vấn học tập (CVHT) có chất lượng

CVHT có vai trò đặc biệt quan trọng, có thể nói là quyết định đến sự thành công trong việc học theo tín chỉ của SV. Bởi họ sẽ là người giúp SV quán triệt quy chế, hướng dẫn SV trong lựa chọn môn học, tham gia nghiên cứu khoa học, giải đáp các thắc mắc trong học tập... Như vậy, yêu cầu đặt ra là CVHT phải là người am hiểu, có kinh nghiệm, có trình độ chuyên môn, cần phải ĐT một hệ thống CVHT có chất lượng, đủ năng lực để thực hiện công việc nặng nề này.

Biện pháp đề ra là phải ban hành quy định về công tác CVHT, hướng dẫn thực hiện công tác CVHT. Bên cạnh đó phải đề ra tiêu chí lựa chọn CVHT để áp dụng chung cho toàn trường, tránh việc các Khoa cứ lựa chọn theo cảm tính, làm giảm hiệu quả của công tác này, ảnh hưởng tiến trình học tập của SV. Song song đó phải mở lớp tập huấn công tác CVHT cho cán bộ, GV tham gia công việc này. Ngoài ra sẽ mở những buổi tọa đàm về phương pháp CVHT, để ở đó các CVHT có cơ hội trao đổi, chia sẻ với nhau những cách làm hay, cách giải quyết những khó khăn mà họ gặp phải, và kể cả những kiến nghị nếu có. Cũng cần nói thêm là, để công tác CVHT đạt hiệu quả, nhà trường sẽ xem xét để phân bố thời gian, công việc, cũng như chế độ, phụ cấp cho CVHT một cách hợp lý để khuyến khích, động viên họ công tác tốt.

2.4. Tổng kết hoạt động ĐT theo tín chỉ ở từng năm học

Cần có sự tổng kết việc ĐT theo tín chỉ để rút ra kết luận, bài học kinh nghiệm. Đây sẽ là cơ sở để triển khai công tác ĐT của năm học kế tiếp đạt hiệu quả hơn. Việc tổng kết cần được thực hiện trong phạm vi toàn trường. Nghĩa là, phải tổng kết hoạt động, kết quả học theo tín chỉ của SV, đến hoạt động giảng dạy, công tác quản lý theo HCTC của CB, GV. Công tác tổng kết cần phải được thực hiện nghiêm túc, dưới sự chỉ đạo sâu sát của Ban giám hiệu nhà trường. Nội dung tổng kết phải nhất quán theo chỉ đạo chung. Sau tổng kết ở lớp, tổ, phòng, ban, khoa, các bộ phận sẽ có những đề xuất, kiến nghị để việc thực hiện hoạt động ĐT của năm học sau đạt hiệu quả cao.

2.5. Chú ý công tác KT, ĐG

Đối với GV, nội dung KT cần tập trung vào bài giảng, đề thi, đáp án. Các tiêu chí KT, ĐG sẽ được phổ biến cho GV vào đầu năm học, để GV có hướng chuẩn bị tốt cho nội dung bài giảng, cách ra đề thi, đáp án phù hợp với giảng dạy theo học chế tín chỉ. Đối với GV kiêm nhiệm công tác CVHT, hoạt động KT, ĐG sẽ bao gồm KT kế hoạch công tác và sổ theo dõi hoạt động học tập của SV, KT email dành cho CVHT để xem xét chất lượng tư vấn của CVHT đối với SV. Để ĐG GV, trường tiến hành cho GV tự ĐG vào mẫu in sẵn; đồng thời lấy ý kiến SV về GV để xem xét, ĐG khách quan đối với hoạt động của GV.

Đối với SV, việc KT, ĐG nhờ vào đề KT giữa kì, đề thi cuối kì của GV. Ngoài những điểm số nhất định có được qua kiểm tra, SV cũng sẽ được ĐG về năng lực tự học tự nghiên cứu qua các bài viết tham gia tọa đàm, bài viết đăng báo, tạp chí, hoặc công trình nghiên cứu khoa học... Để tăng tính khách quan, ngoài ĐG

của GV đối với SV, SV tự đánh giá, trường sẽ cho SV ĐG lẫn nhau, qua đó có thể hiểu rõ hơn về hoạt động tự học ngoài giờ lên lớp của SV.

2.6. Liên tục chuẩn bị, cập nhật các điều kiện đảm bảo cho ĐT theo tín chỉ

Hàng năm, Trường phải có kế hoạch đầu tư CSVC, ưu tiên đầu tư cho Trung tâm Thông tin - Thư viện để cả GV và SV đủ điều kiện tự học tự nghiên cứu. Để có được những đầu sách chuyên ngành cần cho chuyên môn, trường cần cho các bộ phận trực thuộc tổ chức phổ biến đến GV để đăng kí tên sách cần có, đó sẽ là cơ sở để ưu tiên lựa chọn, cập nhật đúng những đầu sách phục vụ chuyên môn sâu cho từng ngành học. Trong tình hình còn nhiều khó khăn, trường nên đầu tư phương tiện, CSVC theo hướng có chọn lọc, tránh đầu tư dàn trải trong điều kiện kinh phí hạn hẹp. Đồng thời, trong khi chờ nguồn kinh phí được cấp, trường cần làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục để phục vụ tốt cho việc đầu tư phương tiện, CSVC.

Trong bước chuyển mình thực hiện hình thức ĐT mới, để đạt hiệu quả cao, cần có sự phối hợp nhịp nhàng giữa các đơn vị trong toàn trường, trên cơ sở tăng cường tinh đoàn kết, tăng cường trách nhiệm của mỗi CB, GV, kể cả SV để hoàn thành tốt sứ mệnh được giao. Biện pháp đề ra có thể có nhiều, nhưng quan trọng nhất là phải làm sao thắt chặt mối dây liên hệ giữa CB, GV và SV trong nhà trường, tạo sự đồng thuận cao, đó chính là sức mạnh tập thể để đưa Trường ĐH Bạc Liêu vươn lên tầm cao mới. □

Tài liệu tham khảo

1. Hoàng Tuy. *Người thầy trong nhà trường hiện đại*. NXB Giáo dục, H. 2005.
2. Bộ GD-ĐT. *Về hệ thống tín chỉ học tập*. NXB Giáo dục, H. 1997.
3. Bộ GD-ĐT. *Tài liệu hướng dẫn giảng viên thực hiện học chế tín chỉ*. NXB Đại học Cần Thơ. 2010.
4. Bộ GD-ĐT. *Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ*.
5. Trường Đại học Bạc Liêu. *Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ*, ban hành kèm theo Quyết định số 285/QĐ-ĐHBL ngày 10/9/2010 của Hiệu trưởng Trường Đại học Bạc Liêu.

SUMMARY

The paper analyses the current status of the advantages and disadvantages of the credit-based training in Bac Lieu University over the years. On this basis, the authors propose solutions to improve the efficiency of credit-based training to help Bac Lieu University rise to new heights.